

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP KON TUM THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

NGUYỄN ANH*

1. Tỉnh Kon Tum nằm ở phía Bắc Tây Nguyên, có tổng diện tích tự nhiên 967.655 ha; trong đó, đất nông lâm nghiệp chiếm hơn 70% diện tích. Toàn tỉnh có hơn 80% dân số thu nhập chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp

Trong những năm qua, sản xuất nông nghiệp của tỉnh đã đạt được những thành tựu đáng kể và có những chuyển biến rõ nét. Một bộ phận hộ nông dân sản xuất nông nghiệp theo kiểu tự cung, tự cấp trước đây đã chuyển sang sản xuất hàng hoá, tốc độ tăng trưởng khá, bình quân hàng năm tăng trên 7% và liên tục ổn định trong nhiều năm; đời sống của người nông dân từng bước được cải thiện và không ngừng nâng lên. Diện tích trồng cây lương thực tăng lên rõ rệt, (năm 2000: 25.358 ha, đến năm 2006: 32.420 ha). Sản lượng lương thực tăng từ 50.163 tấn năm 1995 lên 101.139 tấn năm 2006, bình quân lương thực đầu người năm 2006 đạt 264 kg. Đi đôi với việc mở rộng diện tích, công tác khuyến nông đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất được tích cực triển khai đã từng bước nâng cao trình độ sản xuất và thâm canh cho người nông dân. Đặc biệt, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn, thông qua chương trình khuyến nông đã biết làm lúa nước, sử dụng giống mới có năng suất cao như CH4, TH85, IR16... thay thế giống lúa thổ địa phương, biết áp dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ, nhờ đó năng suất ngày một tăng, từ 22,89 tạ/ha năm 1995 lên 30,55 tạ năm 2006, góp phần đáp ứng được một phần lương

thực tại chỗ. Cùng với cây lúa, cây ngô được chú trọng phát triển, nhiều giống ngô mới như VN10, Bioxd, ĐK 888, LVN10... được đưa vào sản xuất cho năng suất cao. Năm 2006, năng suất của các giống ngô này tăng gấp đôi so với năm 1995. Cây ngô lai đã thật sự trở thành cây hàng hoá, mang lại thu nhập đáng kể cho người nông dân. Cây cao su, cây cà phê đang được phát triển ở nhiều loại hình kinh tế như nông - lâm trường, kinh tế hộ gia đình, kinh tế vườn đồi, kinh tế trang trại và đã từng bước đi vào các bản làng người dân tộc thiểu số, hình thành các vùng chuyên canh trồng cây công nghiệp có giá trị kinh tế.

Chăn nuôi ngày càng phát triển. Thông qua các chương trình hỗ trợ cho vay vốn như Chương trình xoá đói giảm nghèo, Chương trình giải quyết việc làm, các dự án chăn nuôi... đã góp phần khuyến khích hộ nông dân trong tỉnh mở rộng đầu tư, tăng số lượng đàn gia súc. Trong 5 năm qua, toàn tỉnh đã thực hiện cho vay 1.041 dự án với số vốn 28.325,75 triệu đồng để phát triển trồng trọt, chăn nuôi và phát triển tiểu thủ công nghiệp. Kinh tế trang trại đã thu hút các hộ gia đình bỏ vốn đầu tư, lao động, kỹ thuật để phát triển sản xuất nông - lâm - thủy sản.

Công nghiệp chế biến nông sản từng bước phát triển, toàn tỉnh hiện nay có 4 nhà máy chế biến tinh bột sắn với tổng công suất 440 tấn tinh bột/ngày, 2 xưởng chế biến cao su và 30 cơ sở chế biến cà

* Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực III.

KINH NGHIỆM THỰC TIỄN

phê. Kết cấu hạ tầng (kinh tế và xã hội) phát triển tương đối khá. Ở các xã đặc biệt khó khăn và các xã biên giới, giao thông nông thôn được ưu tiên hàng đầu

2. Bên cạnh kết quả đạt được, nông nghiệp ở Kon Tum vẫn còn một số hạn chế như cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn đã chuyển dịch đúng hướng nhưng còn chậm và chưa đều. Xây dựng và thực hiện quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết để phát triển cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá vẫn còn bất cập. Công tác khuyến nông, khuyến lâm và việc áp dụng các tiến bộ khoa học - kĩ thuật, nhất là sử dụng giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao ở một số xã hiệu quả còn thấp. Trình độ sản xuất của hộ nông dân vẫn còn lạc hậu, đến nay vẫn còn tình trạng quảng canh, du canh, dẫn đến năng suất, hiệu quả thấp. Công tác thông tin, dự báo thị trường và khả năng cạnh tranh của nông sản còn yếu. Việc tiêu thụ nông sản hàng hoá còn nhiều khó khăn. Tiềm năng, thế mạnh của rừng và đất rừng vẫn chưa được khai thác, sử dụng hợp lý và có hiệu quả cao. Định canh, định cư ở một số vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa ổn định và thiếu vững chắc, tình trạng phá rừng làm rẫy vẫn còn xảy ra. Tập tục canh tác lạc hậu, nhất là ở các xã vùng sâu, vùng xa, việc chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học- kĩ thuật vào sản xuất nông nghiệp còn hạn chế. Tình trạng này do các nguyên nhân chủ yếu sau:

Thứ nhất, do thời tiết, khí hậu khắc nghiệt; cơ sở vật chất kĩ thuật và kết cấu hạ tầng còn lạc hậu ảnh hưởng lớn đến phát triển nông nghiệp. Điểm xuất phát của nền kinh tế - xã hội của tỉnh còn thấp, chưa có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, thiếu vốn đầu tư, nhất là đầu tư thuỷ lợi, giao thông nông thôn và các công trình phúc lợi xã hội.

Thứ hai, trình độ, phương thức canh tác nông nghiệp của hộ nông dân còn rất lạc hậu. Nguồn nhân lực có kiến thức, trình

độ, tay nghề kĩ thuật còn thấp, chưa tương xứng với yêu cầu đòi hỏi của quá trình phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

Thứ ba, công tác quy hoạch, kế hoạch, dự báo đối với quá trình phát triển nông nghiệp còn hạn chế và thiếu đồng bộ. Các biện pháp áp dụng tiến bộ khoa học - kĩ thuật vào sản xuất nông nghiệp hiệu quả còn thấp

Thứ tư, một số chính sách của Nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp chưa phù hợp, do đó, chưa tạo ra động lực mạnh mẽ đối với hộ nông dân. Quá trình tổ chức thực hiện còn hạn chế, hiệu lực, hiệu quả còn thấp.

3. Để phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, trong thời gian tới, tỉnh cần thực hiện có hiệu quả các giải pháp sau:

Một là, hoàn thiện công tác quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp, kể cả quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết ở phạm vi tỉnh, huyện, xã. Coi trọng quy hoạch phát triển nông nghiệp ở các vùng, tiểu vùng, đặc biệt vùng chuyên canh, thâm canh, vùng trang trại thật cụ thể, sát thực để làm cơ sở thực hiện các dự án đầu tư phù hợp với với đặc điểm, lợi thế của vùng. Quy hoạch phát triển các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế so sánh gắn với bố trí sử dụng đất, rừng hợp lý. Mạnh dạn chuyển một số diện tích đất sản xuất lương thực kém hiệu quả sang trồng cây công nghiệp khác, trồng rau, hoa hoặc trồng cỏ chăn nuôi có hiệu quả hơn. Khẩn trương hoàn thành công tác giao đất sử dụng lâu dài, tạo tâm lý cho người dân yên tâm sản xuất. Tổ chức triển khai chủ trương vận động nông dân dồn điền, đổi thửa, tạo điều kiện để hộ nông dân có diện tích ruộng đất tập trung một cách hợp lý đảm bảo kinh tế hộ có đủ diện tích sản xuất theo quy hoạch tạo ra sản phẩm hàng hoá. Rà soát, điều chỉnh hợp lý quy hoạch 3 loại rừng: rừng phòng hộ, rừng sản xuất, rừng đặc dụng để có biện pháp phát triển có hiệu quả. Thường

xuân kiểm tra, đánh giá thực hiện công tác quy hoạch để bổ sung điều chỉnh phù hợp với sự biến động của kinh tế - xã hội và thị trường.

Hai là, tăng cường đầu tư thâm canh, sử dụng có hiệu quả đất trồng lúa nước hiện có. Cùng với việc đầu tư cho các công trình thủy lợi mở rộng diện tích lúa nước, tiếp tục chuyển diện tích lúa rẫy năng suất thấp sang trồng cây khác để cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến nông, lâm sản. Có biện pháp kỹ thuật canh tác trên đất dốc đảm bảo nguồn nước, hạn chế xói mòn, rửa trôi. Việc chuyển đổi diện tích đất đang sản xuất nông nghiệp sang mục đích sử dụng khác phải tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đất đai và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân tỉnh. Mở rộng khai hoang, phục hoá, nhằm phát triển diện tích đất nông nghiệp ở những nơi có điều kiện thuận lợi, đặc biệt chú trọng vùng đồng bào dân tộc thiểu số để họ có đất sản xuất, khắc phục tình trạng đốt rừng làm rẫy. Tu sửa, nâng cấp các công trình hiện có; trong đó, quan tâm các công trình thủy lợi để nâng cao năng lực tưới. Hàng năm, cần có các chương trình, đề tài nghiên cứu khảo nghiệm các giống lúa ở những điều kiện, tiểu vùng sinh thái khác nhau để bổ sung thêm các giống mới vào cơ cấu giống sản xuất của tỉnh. Nghiên cứu ảnh hưởng của các chế độ canh tác, bón phân, chế độ chăm sóc đối với cây trồng, vật nuôi, hạn chế được những ảnh hưởng của các điều kiện thời tiết bất lợi đến sản xuất nông nghiệp.

Ba là, đẩy mạnh phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi. Phát triển cây cao su (đại điền và tiểu điền), đây là một loại cây không phải tưới nước trong mùa khô, thay được thảm thực vật rừng đã mất, vừa có giá trị kinh tế, vừa có tác dụng phủ xanh đồi núi trọc, bảo vệ môi trường sinh thái. Ổn định diện tích cây cà phê và đầu tư thâm canh để tăng năng suất, hạ thấp chi phí sản xuất. Dự kiến đến năm 2015, diện tích cao

su đạt 37.000 ha, sản lượng mủ khô đạt 35.000 tấn.

Đẩy mạnh chăn nuôi bò theo hướng Sind hoá đàn bò địa phương, nâng trọng lượng và chất lượng thịt cho xuất khẩu. Phấn đấu đến năm 2015, đàn lợn lai, bò lai kinh tế đạt 90% tổng đàn. Phát triển chăn nuôi các loại gia súc, thú quý hiếm như hươu, nai, trăn, rắn, ba ba... trên cơ sở nền chăn nuôi nông nghiệp sinh thái. Đầu tư xây dựng các cơ sở chế biến thức ăn gia súc để giảm chi phí đầu tư vào cho nông dân, khuyến khích các hình thức phát triển chăn nuôi trang trại. Tăng cường công tác thú y, kiểm dịch động vật và quy trình chăn nuôi. Đầu tư xây dựng các cơ sở chế biến thịt xuất khẩu và gia công các sản phẩm chăn nuôi.

Bốn là, tăng cường phát triển lâm nghiệp theo hướng: bảo vệ diện tích rừng hiện có (hiện tại độ che phủ của rừng tự nhiên Kon Tum mới chỉ đạt 65.5%), phát triển vốn rừng, làm giàu rừng tự nhiên, đưa toàn bộ diện tích đất trống có cây gỗ rải rác và một phần diện tích đất trống có cây bụi tái sinh tốt sang khoanh nuôi bảo vệ rừng tự nhiên, cải tạo rừng le thành rừng kinh tế. Ngoài quỹ đất đã được xây dựng cơ bản như giao thông, thủy lợi, đất chuyên dùng và đất nông nghiệp, diện tích đất chưa sử dụng và còn lại (trừ các loại đất mặt trước, đất khai thác khoáng sản, đất dự phòng đã được phê duyệt...), cần tiếp tục đưa vào trồng rừng mới với phương châm phát triển rừng bền vững. Quy hoạch phát triển rừng đến năm 2015 theo hướng: rừng tự nhiên 581.170 ha, rừng trồng 148.206 ha. Đẩy mạnh việc giao khoán và bảo vệ rừng, khuyến khích các cá nhân, các thành phần kinh tế tham gia nhận khoán bảo vệ rừng. Việc khai thác lâm sản hàng năm phải tuân thủ đúng quy trình, quy phạm, cường độ khai thác không vượt quá 35%. Cần đổi mới tổ chức và cơ chế quản lý các lâm trường quốc doanh để góp phần quản lý, bảo vệ và phát triển vốn rừng.

Năm là, đầu tư vốn cho phát triển nông nghiệp. Xây dựng và ban hành quy định cụ thể, rõ ràng về cơ chế để khuyến khích đầu tư trên địa bàn tỉnh, bao gồm các quy định về phạm vi, đối tượng áp dụng, chính sách hỗ trợ, chính sách ưu đãi đầu tư, trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong tỉnh. Rà soát lại các dự án kêu gọi đầu tư trước đây để điều chỉnh bổ sung sát với thực tế hiện nay của địa phương, lập các dự án mới, giới thiệu tiềm năng, triển vọng và cơ hội đầu tư. Trong đó, cần đầu tư có trọng điểm và đồng bộ để khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên của nông nghiệp; đầu tư vào các chương trình cụ thể nhằm thúc đẩy nông dân phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại, các vùng chuyên canh, thâm canh, các vùng sản xuất nguyên liệu cho nhà máy chế biến và sản phẩm xuất khẩu. Ngân sách hàng năm cần tăng tỉ trọng đầu tư cho nông nghiệp và nông thôn, thấp nhất là 12%/năm. Đối với nguồn vốn tín dụng cần tập trung nhiều hơn cho lĩnh vực nông nghiệp. Tổ chức cho vay theo các chương trình, dự án và các mô hình kinh tế, tăng cường cho vay vốn trung hạn trên các lĩnh vực như cải tạo vườn tạp, trồng cây dài ngày, phát triển công nghiệp nông thôn..., cho vay theo phương thức trả chậm, tăng cường kiểm soát sử dụng vốn sao cho vốn vay sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả. Tranh thủ các chương trình hợp tác quốc tế, các nguồn vốn đầu tư nước ngoài với hình thức hợp tác thích hợp để tăng cường cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống. Đầu tư nguồn vốn cho hoạt động khoa học và có chính sách thu hút cán bộ nghiên cứu khoa học, cán bộ quản lý trong lĩnh vực nông nghiệp nhằm tạo động lực thúc đẩy nông nghiệp phát triển đúng hướng và có hiệu quả.

Sáu là, đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ vào phát triển nông nghiệp sạch và bền vững. Đẩy mạnh công tác ứng dụng tiến bộ khoa học, công

nghệ về giống có năng suất, chất lượng phù hợp với điều kiện cụ thể của từng vùng, chú trọng ứng dụng các giống có chất lượng cao, tổ chức nhân giống và kiểm soát chặt chẽ việc nhân giống cây lâu năm. Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong canh tác và các khâu phơi, sấy, bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản. Ngăn chặn kịp thời các loại sâu bệnh, nhanh chóng nhân rộng các tiến bộ khoa học vào phát triển nông nghiệp sạch, áp dụng những tiến bộ về giống và quy trình công nghệ sản xuất nông sản đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo cả về mặt số lượng, chất lượng, mẫu mã. Ứng dụng các thành tựu công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ sinh học nhằm lai tạo, tuyển chọn giống cây, con mới chất lượng cao và có giá trị kinh tế nhằm tạo ra bước đột phá phát triển nông nghiệp. Tổ chức làm thí điểm mô hình sản xuất nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp sạch ở một số nơi; theo dõi, tổng kết nhân rộng diện áp dụng. Gắn chăn nuôi với trồng trọt, sản xuất các loại nông sản có tác dụng bảo vệ môi trường, tạo điều kiện cho việc phát triển nền nông nghiệp bền vững. Tổ chức quảng bá tăng cường tiếp thị tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp sạch, mở rộng thị trường ra ngoài tỉnh và đẩy mạnh xuất khẩu thông qua các hiệp hội ngành nghề...

Bảy là, giải quyết tốt một số chính sách có liên quan đến việc phát triển nông nghiệp bền vững:

- *Về chính sách đất đai*: Tăng cường quản lý nhà nước về đất đai theo *Luật Đất đai* để kiểm soát các hoạt động về đất đai. Cần bảo vệ diện tích trồng lúa màu mỡ, diện tích rừng phòng hộ xung yếu và đặc dụng. Việc tích tụ và tập trung ruộng đất phải được kiểm soát, quản lý chặt chẽ của Nhà nước, phù hợp với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Đẩy mạnh tiến độ cấp quyền sử dụng đất nông nghiệp, lâm nghiệp để ổn định lâu dài cho hộ nông dân, tạo điều kiện cho hộ nông dân yên tâm đầu

tư phát triển. Việc giao đất để sản xuất hàng năm với mọi đối tượng không vượt quá mức hạn điền cho phép. Các tổ chức, cá nhân không phải nông dân có quyền được thuê đất sản xuất nông - lâm nghiệp. Thời hạn và diện tích được thuê đất tùy thuộc vào vị trí, quy mô vào mục đích sử dụng. Xác định mức hạn điền cho các loại trang trại, trang trại trồng cây công nghiệp dài ngày, cây hàng năm và các trang trại chăn nuôi, trang trại lâm nghiệp...Rà soát lại quỹ đất của các lâm trường, giao đất lâm nghiệp cho các lâm trường và các hộ nông dân theo hướng có phân chia quyền lợi nhằm tăng cường trách nhiệm của người được giao đất, giao rừng quản lý và bảo vệ.

- *Về chính sách thuế, tín dụng, khuyến nông:* Đối với vùng sâu, vùng xa, cần có chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư mở rộng sản xuất, xem xét và giảm thuế cho các mặt hàng kinh doanh. Khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển nông nghiệp toàn diện; đối với việc phát triển một số mô hình như chuyển đổi vườn tạp sang trồng các loại cây trồng, vật nuôi cho hiệu quả kinh tế cao cần có chính sách tín dụng ưu đãi với lãi suất thấp. Thực hiện chính sách trợ cước, trợ giá cho vùng sâu, vùng xa, chính sách định canh, định cư đảm bảo cho đồng bào dân tộc thiểu số có đất sản xuất, giúp cho đồng bào bỏ hẳn thói quen, tập quán du canh, du cư để ổn định cuộc sống, tiếp tục phát triển kinh tế, góp phần cùng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị trên địa bàn. Mặt khác, cần có chính sách hướng dẫn và hỗ trợ nông dân ứng dụng các tiến bộ khoa học - kĩ thuật và công nghệ để thâm canh tăng năng suất các loại cây trồng, vật nuôi. Có chính sách hỗ trợ cơ giới hoá trong sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ về giống, phân bón, công cụ sản xuất, thuốc bảo vệ thực vật, xây dựng mô hình trình diễn, tập huấn làm điểm một số diện tích theo phương pháp mới, sau đó tổng kết

và nhân rộng các mô hình sản xuất mới.

- *Về chính sách xã hội:* Thực hiện tốt chính sách giải quyết việc làm ở nông thôn, đầu tư nâng cấp, mở rộng cơ sở dạy nghề, phát triển các hình thức dạy nghề đa dạng, có chính sách hỗ trợ con em nông dân nghèo, con em đồng bào dân tộc thiểu số để có điều kiện theo học tại các trường dạy nghề; thu hút những người được đào tạo về làm việc ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bằng dân tộc thiểu số. Tập trung thực hiện tốt chính sách xoá đói, giảm nghèo, tăng hộ khá và hộ giàu, rút ngắn khoảng cách giàu nghèo, nhất là ở vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục xây dựng các mô hình xoá đói, giảm nghèo bền vững phù hợp với điều kiện từng tiểu vùng sinh thái, trình độ kinh tế - xã hội và phong tục tập quán canh tác của từng dân tộc. Thực hiện tốt việc đầu tư cơ sở hạ tầng và dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn theo Chương trình 135. Đẩy mạnh công tác giáo dục, nâng cao mặt bằng dân trí. Cùng cố mạng lưới y tế cơ sở, đầu tư nâng cấp bệnh viện tuyến huyện, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân, triển khai tốt chương trình y tế quốc gia, hạ thấp tỉ lệ suy dưỡng ở trẻ em □

